

# A NA LUẬT

## THIÊN NHÃN ĐỆ NHẤT

### 1. TUỔI ĐỒNG NIÊN VÔ ƯU

Trong kinh A Di Đà phần giới thiệu chúng hội vân tập, có nêu lên mười sáu vị đại A-la-hán, trong đó A-na-luật-đà là một, và đó cũng chính là tôn giả A-na-luật.

A-na-luật sanh trong dòng dõi vua chúa, vốn là đường đệ của Phật. Sau ngày Tịnh Phạn vương băng hà, đại tướng Ma-ha-nam lên nối ngôi, là anh ruột của A-na-luật.

Tuổi thơ của A-na-luật, vốn là một đứa trẻ thiên tư hoạt bát, rất thông minh mắn tiếp, đối với âm nhạc, kỹ thuật dưỡng như có tài đặc biệt. Năm bảy, tám tuổi thường ca hát trước đông người, làm những điệu bộ khôi hài khiến ai nấy đều bật cười. Đó là một chú bé được mọi người yêu mến.

Vào độ tuổi ấy, A-na-luật chỉ ăn no rồi đùa giỡn, chơi chán lại đòi ăn. Xuân cũng như hạ, ngày tháng trôi qua trong chốn vương cung vô tư lự.

Năm lên bảy tuổi, cậu bé A-na-luật thường chơi đánh bạc ăn bánh, hễ đánh thua thì phải chung vài cái bánh. Mỗi ngày A-na-luật thua chừng năm, sáu lần, mỗi lần thua chạy

kiếm mẫu thân đòi bánh, mẫu thân cũng chịu theo luôn.

Một hôm, A-na-luật đã thua ba lần, ba lần bị mất bánh cho người, đến lần thứ tư cũng theo má má đòi bánh nữa, má má bảo:

- Đã hết bánh rồi! Không còn nữa!

Nhưng A-na-luật chưa từng biết ý nghĩa của câu “Đã hết” hoặc “Không có” là gì, cứ theo má má nheo nhéo đòi cho được cái “bánh không có”. Má má muốn trêu cậu, cầm một cái hộp không đưa cho, để ngỏ ý cho biết hôm nay nhà không còn cái bánh nào.

Nhưng lạ thay, do phước phần của cậu bé, khi má má đem hộp không đến, thì trong hộp lại tự nhiên đầy bánh. A-na-luật vui mừng, vì được một hộp đầy nhóc cái “bánh không có”.

Từ đó về sau, mẫu thân không dám xem cậu như mọi chú bé tầm thường. Qua câu chuyện hộp bánh không mà thành hộp bánh đầy, nhất định lai lịch của A-na-luật rất phi phàm, về sau sẽ được phước báo rất lớn.

Tuy A-na-luật thông minh nhưng vì được sinh dưỡng trong sự nuông chiều, trưởng thành trong cung điện nên cho đến khi mười lăm tuổi, không hề biết đến cuộc sống ở ngoài bốn bức tường hoàng gia.

Có lần, A-na-luật cùng Bạt-đề, Kiếp-tân-na dạo chơi, cả ba bàn tán về vấn đề “Hột gạo từ đâu mà có?”. Kiếp-tân-na nói trước:

- Gạo lấy từ trong nước vo gạo. Tôi thấy lần nọ cung nữ vo gạo vớt lên.

Bạt-đề khoát tay:

- Kiếp-tân-na nói không đúng rồi.

Cậu lại bảo:

- Gạo lấy từ trong nồi cơm, tôi thấy cung nữ bới cơm trong nồi mà.

A-na-luật nghe hai bạn nói không đồng ý. Cậu làm ra vẻ biết chuyện hơn, quả quyết:

- Gạo là do bát vàng sanh ra. Mỗi lần ăn hết cơm, tôi lại thấy cung nữ xới từ bát vàng đem đến.

Qua câu nói của ba vị vương tử, chúng ta có thể thấy nhận thức về xã hội của mấy ông hoàng con thật ấu trĩ.

Các tiểu vương tử này đối với xã hội bên ngoài mờ mịt chẳng biết gì, nhưng cơm áo vật chất hưởng thọ tột đỉnh hào hoa của nhân gian, cơm dâng đến miệng, nước mời tận tay, họ đã trải qua một đời tuổi trẻ vô ưu.

Các hoàng tử đã mười mấy tuổi đầu, vì sao đối với những chuyện thông thường mà hiểu biết lại cạn cợt như thế? Nguyên nhân là từ khi Thái tử dạo chơi bốn cửa thành, cảm thấy sự kinh sợ của sanh, lão, bệnh, tử đã phát nguyện xuất gia học đạo. Từ đó, trong hoàng cung đã quy định không cho phép các vương tôn vương tử ấu niên ra khỏi cung vi. Sống ở trong tháp ngà thì dù là người thông minh trí huệ cũng chẳng hiểu hết được chuyện thế gian.

## 2. NHIỆT TÂM XUẤT GIA

Đến tuổi trưởng thành, A-na-luật đã là một thanh niên tướng mạo đường đường, không còn là cậu bé ngây thơ nữa. Chàng dần dần hiểu được cuộc đời, nhận mặt kiếp nhân sanh, nhằm lúc ấy đức Phật thành đạo, trở về thành Ca-tỳ-la thuyết pháp giáo hóa. Sức cảm hóa của Thế Tôn rất mạnh, chẳng bao lâu trong hoàng tộc nhiều người quy y Phật, xuống tóc xuất gia. Trước tiên là Nan-đà, người sẽ là vua trong tương lai, theo Phật làm Sa-môn. Kế đến là La-hầu-la làm Sa-di. Điều ấy khiến các vương tử thanh niên chấn động. A-na-luật cũng nằm trong tình hình ấy, lập chí xuất gia theo Phật.

A-na-luật đến tìm anh Ma-ha-nam và nói:

- Ca ca! Đức Phật trở về hoàng cung khiến cho mấy ngày gần đây, dòng họ Thích chúng ta nhiều người cũng xuất gia làm Sa-môn, đem cam lồ pháp vũ của Phật truyền đi khắp tứ phương, đó là một cuộc sống đầy ý nghĩa. Nan-đà đã bỏ cô vợ đẹp Tôn-đà-lị, gia nhập Tăng đoàn. La-hầu-la nhỏ tuổi như vậy cũng xuất gia học đạo. Hai anh em ta nếu không có một người xuất gia thật khó coi. Ca ca à! Ý anh thế nào ?

Đại tướng Ma-ha-nam anh dũng đã lập nhiều chiến công với quốc gia, nghe em nói, bèn trả lời:

- Tiểu đệ! Lời nói của em giống ý của anh. Hai anh em mình nhất định phải có một người xuất gia mới đáng mặt. Anh định bàn với em, từ nay em hãy lo hiếu dưỡng cha mẹ, để anh theo Phật làm Sa-môn!

A-na-luật lắc đầu không chịu:

- Ca ca! Anh không thể xuất gia được, nước nhà rất cần đến anh. Tuy em cũng biết võ công nhưng sánh với anh thật là thua xa. Xin anh hãy để em xuất gia, tính em thích hợp với lối sống tịch tịnh của Tăng đoàn. Em không ưa chỗ ồn náo, mà cũng rất nhàm chán ngũ dục của hoàng cung.

Ma-ha-nam đành phải nhượng bộ trước lập luận của em. Nhưng Phật-đà quy định, muốn xuất gia phải có sự ưng thuận của cha mẹ, A-na-luật chỉ còn cách năn nỉ cầu khẩn xin với vương phụ vương mẫu, bằng lòng cho mình được gia nhập Tăng đoàn làm Tỳ-kheo.

Lòng cha mẹ thương con tha thiết, làm sao đồng ý trước yêu cầu đó. A-na-luật nói cách mấy cũng không được. Đôi ba phen năn nỉ, đôi ba phen bị từ chối.

Sau cùng vì chí nguyện xuất gia kiên cố, A-na-luật tính bề tuyệt thực cho đến chết. Song thân chàng không còn cách nào khác hơn, bèn phủ dụ:

- Nếu như con muốn xuất gia, con hãy thương lượng với vương tử Bạt-đề, nếu-bạt Đề xuất gia thì chúng ta cho con đi xuất gia với chàng. Nếu Bạt-đề không chịu thì con đừng đòi hỏi trông mong nữa.

Thuyết phục Bạt-đề xuất gia không phải là chuyện dễ. Ai cũng biết sau đức Phật, La-hầu-la xuất gia, vua Tịnh Phạn lập Bạt-đề làm Thái tử. Chàng sẽ thừa kế vua Tịnh Phạn làm quốc chủ Ca-tỳ-la-vệ, xuất gia sao được? Nhưng A-na-luật nghe vương phụ nói xong, chẳng hề thối chí. Chàng cao hứng đi tìm Bạt-đề, đem ý định xuất gia theo Phật ra nói và rủ

Bạt-đề cùng xuất gia với mình. A-na-luật chăm chú đợi Bạt-đề trả lời.

Đối với việc từ bỏ dục lạc, vinh hoa phú quý của cuộc đời để làm thầy Sa-môn học đạo, vương tử Bạt-đề cảm thấy rất khó. Nhưng đối với chỗ thân tình như A-na-luật, nếu chối từ thẳng thì chẳng tiện chút nào. Vương tử suy nghĩ giây lâu, miễn cưỡng nói:

- A-na-luật! Xuất gia làm Tỳ-kheo chẳng còn được lưu luyến dục lạc thế gian, tôi và em đều còn trẻ làm sao đủ sức chịu nổi ? Em hãy đợi vài năm, chúng ta vui hưởng hết những thú vui vương giả, bảy năm sau tôi sẽ đi xuất gia với em.

Rõ ràng là Bạt-đề khéo léo từ chối, nhưng A-na-luật đôi ba phen nói rõ niềm vui của cuộc đời xuất gia, nên từ bảy năm Bạt-đề hẹn lại một năm, từ một năm còn lại một tháng, từ một tháng giảm còn bảy ngày. A-na-luật thấy Bạt-đề hẹn sau bảy ngày sẽ cùng đi xuất gia, mới hoan hoan hỷ hỷ cáo biệt về nhà.

Bảy ngày sau, hai vị vương tử này cùng với A-nan, Đề-bà, Kiếp-tân-na, Bà-sa, Nan-đề cả bảy người đồng lén bỏ nhà ra đi, dẫn theo chàng thợ cạo Ưu-ba-ly. Họ tìm những con đường Phật thường đến du hóa. Khi đến mé rừng thôn Di-na, các vương tử cởi bỏ y phục, bảo Ưu-ba-ly cạo hết râu tóc cho bảy người, và khoác ca sa, đến ra mắt Phật.

Đức Phật chưa cho gia nhập Tăng đoàn ngay, bảo họ đến ở trong một tịnh thất, tịnh tọa một tuần lễ để quên hết thân thế cao sang của mình, rồi sau mới chánh thức cho xuất gia, ra mắt đại chúng.

### 3. CỤ TUYỆT THIẾU NỮ CẦU HÔN

Sau khi xuất gia, A-na-luật nghe giảng kinh điển, tập quen lối sống đạm bạc, đối với lời dạy của đức Phật rất hoan hỷ phụng hành.

Tuy chưa chứng quả nhưng được động viên bởi niềm vui Phật pháp, và muốn báo ân đức Phật đã cho phép xuất gia, A-na-luật dự định đi hành khước một phen, làm một chuyến giáo hóa phương xa. Đức Thế Tôn rất hoan hỷ và khuyến khích Tôn giả. Theo ý Ngài, hàng đệ tử cần phải có nhiệt tâm hoằng pháp lợi sanh, trong khi làm việc độ sanh mới có thể nuôi lớn tín tâm, tín tâm mạnh mới có thể khai ngộ chứng quả.

Thầy Tỳ-kheo trẻ tuổi A-na-luật, nghi biểu trang nghiêm, phong tư mỹ mạo, màu da sáng rõ, mũi như mỏ chim anh vũ. Cũng vì tướng hảo đoan chánh ấy nên trên đường hoằng pháp đã một phen bị thiếu nữ đeo đuổi.

Hôm ấy, A-na-luật từ tinh xá Kỳ Viên đi đến nước Kiều-tát-la, trên suốt đường trường không có trú xứ cho Tỳ-kheo, thầy không còn cách nào khác hơn là xin ngủ nhờ nhà dân chúng. Trong chốn đồng quê vắng vẻ, làng xóm thưa thớt, A-na-luật ghé lại một ngôi nhà có vẻ rộng rãi, định xin tá túc qua đêm. Thật chẳng ngờ hôm ấy trong nhà đi vắng hết, chỉ có một cô gái trẻ tuổi ở nhà.

Thầy hết sức do dự. Một vị Tỳ-kheo nghỉ đêm tại một ngôi nhà chỉ có một thiếu nữ, chẳng biết nên hay không nên, vì lúc ấy đức Phật chế giới không đề cập đến điểm ấy. A-na-luật nhìn ngoài trời thấy một sắc tối đen, mặt trời bị mây đen

phủ kín như sắp mưa to, A-na-luật không biết làm sao nên phải ở lại nhà ấy. Thấy vào nhà độ một lúc, lại có một ông già lở đường ghé vào xin tá túc, nhưng cô gái chủ nhà từ chối quyết liệt. Thấy cô đối xử với ông già không chút gì lễ độ, cũng không có tình người, A-na-luật đã thâm ngạc nhiên.

Thiếu nữ đối với A-na-luật rất ân cần, mời trà mời nước, hỏi gần hỏi xa. A-na-luật chỉ một bề ngồi tịnh tọa, nhất tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, mong cho trời mau sáng để đi khỏi nơi đây.

Đến nửa đêm, ánh đèn dần dần mờ ảo, mông lung. Thiếu nữ đến bên giường A-na-luật thốt lời tình tứ:

- Em biết thầy là một Sa-môn, đối với Sa-môn mà có ý nghĩ này nọ thì không phải, nhưng từ khi em gặp thầy thật khó ngăn được cảm tình. Xin thầy hãy tin em, em không phải là hạng con gái trác nết trắng hoa, rất nhiều chàng công tử đến cầu hôn mà em chẳng nhận lời ai. Em thấy thầy dung mạo thanh tân, hành vi đoan trang, em không sợ xấu hổ phận gái mà xin nguyện tự đính ước với thầy. Từ nay mời thầy cứ ở lại nhà em, ba má em nhất định rất vui mừng đấy ạ.

A-na-luật vốn dòng dõi vương tôn anh tuấn, đối với chuyện ái tình của các cô thiếu nữ thầy cũng có chút ít kinh nghiệm. Vốn từ thời còn ở hoàng gia, cũng có nhiều công nương bao vây xin cầu hôn, tuy nhiên A-na-luật nhận thấy ái tình chẳng vui sướng gì, chàng không bị dục nhiễm mê hoặc. Chỉ có tu đạo mới thật là niềm vui an ổn nhất.

Khi lửa ái tình của thiếu nữ bộc phát, khó mà dập tắt ngay. A-na-luật chỉ còn cách nhắm nghiền mắt không ngó



ngàng đến cô gái để cô ta mắc cỡ mà lui ra. Nhưng cô nàng lại có ý bất chánh, tiến tới nắm tay thầy. Thầy vẫn ngồi yên như một quả núi đá không nhúc nhích, cô nọ lại dạn dĩ ôm choàng lấy thầy. Lúc đó A-na-luật mới trừng mắt nhìn cô trách rằng:

- Này cô nương! Cô không mắc cỡ sao ? Nam nữ còn không thể cầu thủ như vậy, huống chi tôi là người xuất gia, cô lại đối với tôi chẳng có chút lễ độ. Tình ái của nam nữ trên thế gian là nguồn gốc của bể khổ sanh tử, gây ra đủ thứ phiền não, thị phi rối rắm. Cô hãy dập tắt lửa tình của cô, hãy nhìn kỹ lại lòng mình.

Lời nói nghiêm nghị của A-na-luật khiến thiếu nữ hổ thẹn cúi đầu. Sau đó, cô sanh tâm hối hận, xin A-na-luật tiếp dẫn cho mình quy y Phật, làm Ưu-bà-di.

Tình nam nữ là tập quán của loài người, nhưng người tu phải vượt khỏi **tính** người mới tiếp thọ được **tính** Phật. Từ đó về sau, A-na-luật không dám ngủ lại ban đêm ở nhà dân gian.

## 4. LOÀI SÒ ỐC HAM NGỦ

Đạo tâm của A-na-luật rất kiên cố, tuy gặp sắc đẹp mà không xao động, tâm địa của thầy quang minh ai cũng biết. Nhưng, có một phen vì thù miên, thầy bị đức Phật quở trách nặng nề.

Trong buổi giảng kinh của Thế Tôn, A-na-luật bị con ma hôn trầm bì quỵện ám ảnh nên không cưỡng được, thầy ngủ gục tại tòa. Đức Phật ở xa nhìn đến, thấy vậy bèn nói:

*Đốt thay kẻ mê ngủ,  
Thu mình trong vỏ sò,  
Một giấc ngủ ngàn năm,  
Không nghe danh hiệu Phật.*

Người kế bên bèn xô nhẹ A-na-luật, thầy hoảng kinh thức dậy. Đức Thế Tôn hỏi thầy:

- A-na-luật! Ông đi xuất gia vì sợ phép nước, hay vì sợ đạo tặc ?

A-na-luật vội đứng lên cung kính thưa:

- Thưa không phải!

- Vậy thì vì lý do gì mà ông xuất gia ?

- Thưa Thế Tôn! Vì con nhàm chán sanh, lão, bệnh, tử, muốn giải thoát ưu bi, khổ não.

- Mọi người đều khen ông không vì nữ sắc mà phạm giới, chắc ông tự mãn điều ấy lắm, ông xem, trong khi ta thuyết pháp mà ông ngủ ngon như vậy.

A-na-luật nghe Phật quở, liền quỳ xuống, chấp tay thưa:

- Bạch Thế Tôn! Xin từ bi lượng thứ cho sự ngu si giải đãi của con, từ nay về sau, cho đến lúc chết con không ngủ trở lại nữa!

Đối với đệ tử đã biết nhận tội sám hối, đức Phật rất hoan hỷ. Và từ khi A-na-luật phát thệ nguyện, đức Phật lại cố động an ủi thầy, khuyên thầy nên gắng dụng công, việc tu hành cố nhiên không thể quá buông lơi, nhưng cũng không thể quá gấp rút. Từ đó về sau, A-na-luật dụng công miên mật

từ sáng đến tối, từ đêm đến ngày không ngừng nghỉ.

Tu hành như thế, không ngủ một lúc, hoặc một ngày hai ngày thì chẳng sao. Nhưng lâu ngày chầy tháng, sức người tuy có thể miễn cưỡng duy trì, nhưng thân tứ đại sẽ mang bệnh không kham. Quả thật ít lâu sau, vì không ngủ nghỉ gì cả A-na-luật bị sưng húp hai mắt, nhức nhối khó chịu.

Đức Phật biết thầy tinh cần dụng công đến sưng mắt, Ngài rất lo lắng. Một hôm đức Phật cho gọi A-na-luật và từ hòa bảo thầy:

- A-na-luật! Ta đã nói với ông, tu hành mà bất cập thì không xong, mà thái quá cũng không được.

- Con đã từng phát nguyện trước đức Thế Tôn, con không thể làm trái lời nguyện.

- Ông đừng quan tâm đến vấn đề phát nguyện, con mắt mới là quan trọng.

Tuy đức Phật từ bi nói như vậy, nhưng A-na-luật vẫn nhất quyết không chịu ngủ. Đức Phật lại tìm phương tiện nói:

- Nay A-na-luật! Tất cả chúng sanh phải có thức ăn mới sống, lỗ tai dùng âm thanh làm thức ăn, lỗ mũi dùng mùi hương làm thức ăn, lưỡi dùng vị nếm làm thức ăn, thân dùng xúc chạm làm thức ăn, con mắt cũng dùng ngủ nghỉ làm thức ăn, ông không ngủ không được, con mắt sẽ thiếu nhu cầu, mà ngay cả Niết-bàn cũng cần đến thức ăn hưởng chi con mắt.

- Niết-bàn ăn những gì ?

- Niết-bàn dùng pháp không phóng dật làm thức ăn! Không phóng dật mới đến được cảnh giới vô vi, cảnh giới vô

vi cũng cần dùng thiền duyệt pháp hỷ làm thức ăn.

- Bạch Thế Tôn! Con không ngủ cũng chẳng hại gì, xin Ngài yên tâm!

Lòng từ bi của Phật, A-na-luật rất cảm kích, nhưng thầy không muốn làm trái lời nguyện. Thầy thức mãi cho đến lúc đôi mắt sưng đỏ. Đức Thế Tôn bèn cho mời ngự y Kỳ-bà đến trị bệnh cho thầy. Kỳ Bà khám bệnh xong bảo A-na-luật chỉ cần ngủ trở lại là mắt sẽ lành ngay, nhưng A-na-luật vẫn cương quyết không ngủ.

Chẳng bao lâu hai mắt thầy mù hẳn.

Từ câu chuyện trên, chúng ta thấy sự quyết tâm tu đạo của tôn giả A-na-luật. Dù biết rằng mắt sẽ mù mà vẫn không rút lui tâm nguyện, không trái lời tự hứa của mình. Đức Phật chỉ mới nói một câu mà Tôn giả đã phụng hành như thế đủ biết lòng cung kính của Tôn giả đối với Phật như thế nào.

## 5. ĐỨC PHẬT ĐÍCH THÂN VÁ Y

A-na-luật bị mù khiến cuộc sống của thầy có nhiều điều bất tiện, như đối với việc khát thực, vá y thật khó khăn.

Trong Tăng chúng có nhiều vị khỏe mạnh, thân tình, thường mỗi khi đi khát thực về thường đem phần cơm dư chia sót cho các Tỳ-kheo bệnh. Cho nên đối với việc ăn uống, A-na-luật chẳng bận tâm lắm. Từ khi bị hư mắt, không trông thấy mọi vật, A-na-luật lại càng không bị ngoại cảnh lay động, một lòng tinh thành tu đạo.

Một hôm, ba y của thầy đã rách nát, mấy lần thầy định chăm vá lại, nhưng con mắt không thấy đường làm sao may

vá. Cho đến khi chúng rách quá không biết làm sao, gặp lúc A-nan đi qua chỗ của thầy, A-nan thấy vậy mới nói:

- Này huynh A-na-luật! Ba y của huynh rách hết rồi sao không vá lại. Đức Phật có dạy: Thầy Tỳ-kheo y phục mới hay cũ không cần, nhưng phải chú trọng cho tề chỉnh, sạch sẽ.

- Thừa huynh A-nan! Tôi cũng đã thử vá mấy cái y, nhưng con mắt tối đen không xỏ chỉ được. Như nếu huynh có rảnh đến giúp tôi một phen được chứ ?

A-nan rất hoan hỷ đáp ứng, hẹn ngày đến vá giúp ba y.

A-nan về đến tinh xá Kỳ Viên định tìm thêm một vị Tỳ-kheo nữa để giúp A-na-luật, nhưng thiên nhĩ của Phật đã nghe hai người đối đáp, khi gặp A-nan, Ngài liền hỏi:

- Này A-nan! Sao ông không nói với ta đi vá y giúp A-na-luật ?

A-nan nghe Phật hỏi bất ngờ, vội thưa:

- Bạch Thế Tôn! Ngài là bậc rất tôn quý, những việc vụn vặt của đệ tử chúng con không dám làm bận rộn Thế Tôn. Con và các Tỳ-kheo đều muốn giúp A-na-luật vá y, chúng con đang dự định đi.

- A-nan! Ông đừng nói thế. Ta cũng như các ông, cũng là một phần tử trong Tăng đoàn, ta sẽ đi với ông. Ông khỏi tìm nhiều người làm chi.

Đức Phật nói lời ấy khiến A-nan vô cùng cảm động. Mục-kiền-liên đứng kế bên cũng cảm kích lòng từ sâu thẳm của Phật, các vị đều nguyện theo Phật đến giúp A-na-luật.

Phật đến núi Ba-la-la, bảo A-na-luật:

- A-na-luật! Ông đem hộp kim chỉ ra đây, ta đến để giúp ông vá y.

Nghe tiếng Phật, A-na-luật bất ngờ hoang mang, trong đôi mắt mù bỗng ứa vài giọt lệ, không biết phải nói thế nào đây.

Đức Phật khâu kim, lấy vải trong hộp ra đo cắt. A-nan giúp phụ may luôn. Trong vòng một ngày đức Phật đã vá xong ba y cho A-na-luật.

Một người là tôn sư, là bậc Thế Tôn viên mãn phước đức; một người là đệ tử, là Tỳ-kheo mù lòa, trong tình sư đệ tương quan, thầy từ ái, trò cung kính, đã biểu hiện tình sư đệ của nhà Phật, thân giáo trọng hơn ngôn giáo, đã nêu lên một tấm gương tốt đẹp cho hậu thế chúng ta.

## **6. NGUYÊN NHÂN SỰ ĐẠO LẠC CỦA PHỤ NỮ**

A-na-luật tuy mù lòa nhưng tâm rất sáng suốt, chỉ đối với sinh hoạt hằng ngày của một người mù thật là gặp nhiều điều bất như ý. Từ khi đức Phật vá ba y giúp Tôn giả, Ngài lại càng lân mẫn hơn. Đức Phật dạy Tôn giả tu tập “Kim cang chiếu minh tam muội” chẳng bao lâu A-na-luật chứng được thiên nhãn thông. Tôn giả cảm thấy hân hoan, cảm kích không thể tả. Đức Phật cũng hoan hỷ, trong tâm cũng thư thái, từ đó Ngài mới yên lòng.

Thiên nhãn có thể thấy khắp, không phân biệt gần xa, không kể trong ngoài. A-na-luật mất nhục nhãn mà được

thiên nhân như thế, chúng Tăng đều ái mộ, kính trọng Tôn giả. Điều đó tức nhiên là do sức từ bi của Phật gia hộ, nhưng cũng do chí nguyện kiên quyết tu hành của Tôn giả mới được thành tựu. Từ đó, A-na-luật đối với việc vá y, trì bát không còn lo lắng, chỗ người khác không nhìn thấy tôn giả đều thấu rõ. Trong kinh A Di Đà, đã đặc biệt nêu đại danh A-na-luật-**đà** trong hàng thánh đệ tử, vì thiên nhân của Tôn giả có thể thấy được thế giới Cực Lạc ở phương Tây, dùng thiên nhân để chứng minh cho hàng chúng sanh sơ học, dễ sanh lòng tin tưởng vào cõi nước của Phật A-di-đà.

Thiên nhân của Tôn giả không những chỉ thấy thế giới Cực Lạc, mà cũng thấy mọi tình hình ở chốn địa ngục. Một hôm, Tôn giả nhìn thấy rất nhiều phụ nữ bị đọa trong địa ngục, bèn đến hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay con thấy có rất nhiều phụ nữ bị sa đọa vào địa ngục. Theo con thấy, người nữ rất dễ tín phụng lời Phật dạy, người nữ nhiều lòng nhân từ hơn nam giới, vì cố sao họ lại bị đọa vào địa ngục nhiều hơn ?

- Này A-na-luật! Trong Phật pháp, người nữ dễ tín phụng đó là sự thật, nhưng người nữ dễ tạo tội cũng là một sự hiển nhiên. Người nữ có ba thứ tâm lớn hơn nam giới. Thứ nhất, mỗi sáng sớm mới thức giấc, tâm xan tham của nữ nhân rất nặng, họ mong rằng tất cả tài bảo trên thế giới đều gom vào nhà mình. Thứ hai, lúc ban trưa, tâm tật đố của họ tăng lớn mạnh, cảm thấy rằng toàn thể nhân loại đều làm chướng ngại mình. Thứ ba, lúc xế chiều, tâm dâm dục của họ lấy lòng, lúc nào cũng mong có người dựa kề bên mình. A-na-luật! Tâm xan tham, tật đố, dâm dục của nữ nhân rất dễ

chiêu cảm họ phạm tội. Đó là nguyên nhân khiến họ đọa địa ngục rất nhiều.

Nhân sức thiên nhãn của Tôn giả thấy người nữ đọa địa ngục đã khiến đức Phật thuyết một bài pháp cho hàng tín nữ hôm ấy, khiến các bà, các cô một phen chứng kiến mà tỉnh ngộ.

A-na-luật chứng Thánh quả, được thiên nhãn, trở thành bậc đệ tử thượng thủ trong Tăng đoàn. Nhưng đôi khi tôn giả luận đạo với Xá-lợi-phất, vì vấn đề Thiên nhãn thông mà tôn giả cũng bị Xá-lợi-phất răn dạy cho một phen. Số là, A-na-luật đến hỏi Xá-lợi-phất:

- Thưa Tôn giả! Tôi dùng thiên nhãn thanh tịnh có thể nhìn thấy ba ngàn đại thiên thế giới. Tôi được chánh niệm tinh tấn không lay động, hiện tại thân thể tôi khinh an như đạo chơi trong trời đất tịch tịnh, tâm tôi đã lìa chấp trước không còn tán loạn. Xin hỏi Tôn giả, đó có phải là ly phiền não đặc giải thoát không ?

Xá-lợi-phất, bậc thượng thủ đệ nhất trong Tăng đoàn, thường thay Phật thuyết pháp, nghe tôn giả A-na-luật nói rồi liền bày tỏ ý kiến:

- Tôn giả A-na-luật! Vừa rồi ông nói có thiên nhãn thấy suốt ba ngàn đại thiên thế giới, đó là tâm ngã mạn. Ông nói ông có chánh niệm bất động, đó là tâm trạo cử. Ông nói tâm ông đã lìa chấp trước, không còn tán loạn, đó là tâm cuồng vọng. Theo sự hiểu biết của tôi, cần phải xa lìa tâm ngã mạn, tâm trạo cử, tâm cuồng vọng, mới là lìa phiền não đặc giải thoát.



Đối với lời dạy của Xá-lợi-phất, A-na-luật chẳng những không giận mà rất cảm kích. Tôn giả biết rằng lời nói của Xá-lợi-phất là lời nói của bậc chân chánh thấy đạo. A-na-luật là một người rất khiêm tốn vậy.

## 7. TRONG RỪNG TỊCH TĨNH

Mùa an cư thứ mười, Phật trụ tại nước Câu Diệm Di, trong chúng đệ tử lúc ấy nổi lên sự tranh chấp chia rẽ mãnh liệt. Nhân đó, đức Phật thuật lại câu chuyện vua Trường Thọ nhần nhục, để nhắc nhở mọi người chấm dứt sự tranh cãi.

Thế Tôn dạy: “Đem oán hận để dẹp oán hận, oán kia không bao giờ dứt, chỉ có từ bi nhần nại mới dập tắt lửa oán thù”.

Lời Phật dạy, nhiều người cảm động đã trừ bỏ tâm sân nhuế, nhưng còn số ít ưa gây gỗ phi pháp, không chịu nhường nhịn ai hết. Khi ấy, đức Phật lại nhớ đến đức nhần nhượng khiêm tốn của A-na-luật. Ngài bèn đi bộ một mình đến khu rừng Ba-lợi-da-sa La nước Bạt-kỳ để thăm A-na-luật đang tu tập tại đó.

Trong rừng Ba-lợi-da-sa-la, ngoài A-na-luật còn có Bạt-đề, Kiếp-tân-na, ba vị cùng tu chung một chỗ. Cả ba đều là anh em chú bác với nhau, khi còn tại gia rất thân thiện, đến lúc xuất gia cũng thân thiện. Ba vị có một lời minh ước, đồng y chỉ với đức Phật, luôn luôn tuân theo lời chỉ dạy của Thế Tôn tu tập.

Trong đó, A-na-luật hiện thời là một vị A-la-hán chứng thiên nhãn, còn Bạt-đề, Kiếp-tân-na cũng trong năm đầu

xuất gia, khai ngộ ngay mùa an cư. Ba vị thánh sống chung một nơi, đồng một sinh hoạt an tịnh hòa nhã, điều ấy không cần nói.

Ba vị ước định chung, bình thường thì không ai nói chuyện với ai, năm ngày họp mặt luận bàn đạo lý một lần, trình bày sự tu hành tâm đắc, hay cần sửa đổi nội dung sinh hoạt thì nêu ra. Thường ngày các vị đi vào làng khát thực, người nào trở về trước thì trải sàng tòa, châm nước trong lu, sắp đặt bồn rửa chân, vãi chùi chân để bên lu nước. Thọ trai xong, thức ăn còn dư đem để một nơi cao ráo, hoặc rọng trong nước đã lọc sạch côn trùng. Người về sau nếu ăn không no sẽ lấy thức ăn đó ăn tiếp.

Sau khi thu dọn gọn ghẽ, tự mình rửa tay, rửa chân, sửa sang tọa cụ và vào trong tịnh thất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng hoặc tọa thiền. Người về tiếp theo, nếu ăn chưa no thì ăn tiếp thức ăn của người trước để lại, nếu như có lợi dưỡng khác thì cũng để dành như vậy. Ăn rồi rửa chén bát, lau khô cất riêng một nơi, quét dọn chỗ ngồi ăn, dẹp cát y bát, rửa tay chân, trải tọa cụ tọa thiền tu tập như người trước. Cho đến xế chiều, người xuất định trước bèn đến xem trong lu có còn nước hay hết, nếu hết thì đi xách thêm, một người xách không nổi thì đưa tay ra dấu kêu thêm người nữa đến giúp. Hai người im lặng khiêng nước xong, im lặng trở về phòng. Và cứ thế, sinh hoạt của các vị trong chốn rừng u tịch đều đặn trôi qua.

Đức Phật không ưa chỗ sân si ồn ào, nhớ nghĩ đến Ana-luật nên đi đến khu rừng hòa bình của ba vị tôn giả. Ngoài bìa rừng có người canh giữ, ông ta không biết đức

Phật, vì bình thường Ngài đi giáo hóa các nơi thì có nhiều đệ tử theo sau, hôm nay đức Phật đi một mình, nên trong lúc bất ngờ ông ta không dè dặt là đức Phật quang lâm, bèn cản lại:

- Xin Ngài dừng vào đây, trong rừng này có ba vị thánh đang tu tập.

Đức Phật mỉm cười, từ tốn đáp:

- Ông hãy vào nói với họ có người đến thăm, chắc chắn họ rất mừng khi thấy ta.

Người giữ rừng vào trước báo tin. A-na-luật thoáng nhìn ra thấy đích thị Phật-đà quang lâm đều lộ vẻ mừng rỡ. Ba người vội vàng ra nghinh tiếp, A-na-luật đỡ y bát, Bạt-đề trải tòa, Kiếp-tân-na múc nước rửa chân. Đức Thế Tôn được sự đón tiếp thành kính của ba vị đệ tử. Ngài rửa tay chân xong liền an tọa, hỏi thăm về cách sinh hoạt và sự tu tập. Ba vị đều thật tình trình bày. Đức Thế Tôn nghe xong rất hoan hỷ, khen ngợi:

- Các ông tu hành hòa hợp như thế, cuộc sống đầy an lạc, không tranh cãi đằm tịnh, nhất tâm nhất đức, một thầy một pháp tu như sữa hòa với nước, trên đời không có cái đẹp nào hơn.

Đức Phật khen xong lại nói thêm về sự tu hành của Ngài trong kiếp quá khứ để sách tấn ba người. Từ một nơi gây gổ đến một nơi hòa bình như chốn này, đức Phật rất hoan hỷ. Đối với sự thăm hỏi bất ngờ của Thế Tôn, A-na-luật thật là vui mừng phấn khởi.

## 8. CẢM HÓA ĐẠO TẶC

Sau khi chứng Thiên nhãn, tôn giả A-na-luật không phải hoàn toàn ở trong chốn rừng núi lo tu tập phận mình, trong tâm Tôn giả thường nghĩ rằng: Hôm nay ta được niềm vui này đều nhờ ân đức của Phật, muốn báo đáp ân ấy ta nên hoằng pháp lợi sanh, ta nên đi hóa đạo những nơi chưa có người bố giáo.

A-na-luật bề ngoài có vẻ lạnh lùng, nhưng trong tâm nhiệt tình vô hạn. Từ hoàng cung của vua chúa, đến phủ đệ của trưởng giả đều lưu dấu vết giáo hóa của A-na-luật. Núi sâu, thôn trang cũng thấy bóng hình của Tôn giả.

Xóm Ma-na-đề-đa ở nước Chiêm-bà (Campa) có người đau nặng, nghe tôn giả A-na-luật thuyết pháp liền dứt hết lo buồn phiền não, tự nhiên mạnh hẳn. Đối với người bệnh, Tôn giả thuyết pháp an ủi, thường rất có hiệu quả. Tôn giả cũng thích thăm viếng người bệnh luôn.

Trừ việc đem lại niềm vui cho bệnh nhân, đối với việc cảm hóa kẻ hung ác hồi đầu, tôn giả A-na-luật cũng có nhiều biện pháp.

Như trước đã kể, khi A-na-luật ngủ đêm tại nhà một thường dân, đã bị thiếu nữ trong nhà dụ dỗ lôi kéo. Từ đó, Tôn giả phát nguyện không ghé nhà ai ban đêm. Điều ấy đối với một vị Tỳ-kheo đi hóa đạo thật có nhiều việc bất tiện, nhưng A-na-luật đã quen với nếp sống đơn giản, ngày ăn một bữa, dưới cây ngủ một đêm, đó là chuyện thường.

Một hôm, A-na-luật đang du hóa tại một làng quê, chiều tối thì đi ra khu rừng kế cận tọa thiền. Hôm ấy, trên

không trăng soi mờ nhạt, mặt đất in bóng cây lưa thưa, một vài ngôi sao băng qua bầu trời, gió thổi lao xao, Tôn giả khép mắt ngồi yên, đợi trời rạng đông.

Đêm càng sâu càng vắng, hình dáng tôn giả chìm lẫn trong rừng cây, im phăng phắt. Bỗng từ xa có tiếng người xì xào bước về phía Tôn giả. Tôn giả khẽ dềnh hắng, cả bọn đều dừng lại cách ngài không xa, Tôn giả chú ý nhìn xem họ là ai. Té ra đây là một bọn cường đạo vừa đi ăn hàng về, định tụ tập trong khu rừng này chia chác với nhau. A-na-luật thở dài một tiếng. Bọn cường đạo biết có người, một tên trong bọn lên tiếng:

- Các bạn! Chúng ta bị lộ rồi, thiệt xúi quẩy, phải giết ngay tên ấy mới được.

Cả bọn rút phắt dao ra, cầm lăm lăm trên tay sáng giời. A-na-luật nói lớn:

- Các người muốn giết ta, hãy đến giết đi. Nhưng ta chết rồi, mấy người cũng không toàn mạng!

Bọn cướp nghe nói kinh hãi, đưa mắt nhìn nhau, chẳng biết đối phó ra sao. Tên đầu đảng xem xét hồi lâu mới nói:

- Ông là ai ? Lại chen vào phá hoại việc làm ăn của chúng tôi đêm nay!

A-na-luật trang nghiêm trả lời:

- Ta là Sa-môn đang tịnh tọa tại chỗ này, bảo rằng ta thấy các người làm quấy thì được, còn nói ta phá hoại việc của các người thì không đúng.

- Ông sẽ đi tố cáo chúng tôi phải chăng ?

- Ta chẳng cần đến quan phủ tố cáo làm gì. Tuy ta không báo cáo các người, quan trên không biết được hành động của các người, nhưng nhân quả báo ứng chẳng tha cho các người bao giờ. Ta xót thương cho các người sau này chịu nhiều quả khổ bi thảm, đáng tiếc thay!

Lời nói của Tôn giả đánh thức lương tâm của bọn cướp. Chúng liền vứt khí giới, bỏ lòng hung ác, bản chất thuần thiện hiện bày. Bọn họ sám hối sửa đổi, và lãnh thọ lời chỉ dạy của Tôn giả, đều phát nguyện quy y Phật, thay lòng đổi mặt để làm người tử tế.

Sáng hôm sau, A-na-luật bảo bọn cướp đem hết tài bảo trả lại cho dân chúng. Những gia đình bị mất cướp đều cảm tạ Tôn giả, cũng nguyện quy y Phật, vâng làm theo lời Phật.

## 9. TU HỌC BÁT ĐẠI NHỚN GIÁC

A-na-luật một bề hoằng pháp, một bề lo tu học. Một hôm, Tôn giả ở tại nước Chi-đề, thôn Sáu Thủy Chử. Trong lúc tịnh tọa, Tôn giả bèn suy tư: “Đạo chẳng phải do tham dục mà đạt được, cần phải tri túc mới đạt đến. Đạo không thể tìm cầu ở những nơi ồn náo, chỉ ở những nơi vắng vẻ, an nhàn mới thấy được đạo. Cầu đạo phải tinh cần, chánh niệm, phải đa văn và trí huệ mới làm xong.”

Đang khi suy nghĩ như vậy, đức Thế Tôn ở tại vườn Lê Dã nước Bà-kỳ-sấu biết được tâm Tôn giả, bèn đặc biệt ngự đến thôn Sáu Thủy Chử khen A-na-luật đã tư duy chân chánh, khởi niệm chân chánh. Một lần nữa, A-na-luật lại được vinh hạnh tự thân Phật quang lâm đến chỗ cư ngụ của

mình.

A-na-luật đem vấn đề của mình suy nghĩ ra trình và thỉnh Phật ấn chứng, thỉnh Phật dạy rõ vấn đề. Tôn giả hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Sống trong Tăng đoàn lục hòa, không nghĩ đến lợi riêng, quên bản ngã, điều ấy chúng con làm được, đối với chúng sanh phải hết lòng từ bi, nhân ái, điều ấy chúng con cũng đã biết. Nhưng bạch Thế Tôn! Chúng tại gia rất đông mà hàng đệ tử xuất gia đi vào xã hội để hoằng pháp lợi sanh cũng rất đông, làm thế nào để họ được giác ngộ, tấn nhập Niết-bàn. Xin đức Phật từ bi khai thị.

Đức Thế Tôn bèn hoan hỷ giảng Bát Đại Nhân Giác:

- A-na-luật! Ông hỏi điều ấy rất hay, ông đã nghĩ đến vấn đề cho người tu học Bồ-tát đạo, ta sẽ vì ông giảng nói Bát Đại Nhân Giác, hàng đệ tử Phật nên chí thành tụng niệm luôn ngày lẫn đêm.

Điều thứ nhất, các ông đối với thế gian và nhân sinh nên quán vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, cần rời xa sanh tử, cầu giác ngộ, cần phải quán sát như thế.

Điều thứ hai, các ông cần phải biết căn nguyên của khổ, vốn là đối với thế gian tham dục không chịu rời bỏ. Các ông nên ít muốn vô vi, mới được thân tâm tự tại.

Điều thứ ba, các ông cần xét kỹ tâm không biết chán đủ của mình, suốt ngày do tham cầu mà tạo tội, nếu có thể an bản thủ đạo, tri túc thường lạc, lấy trí huệ làm sự nghiệp, như thế cuộc sống mới bình an.

Điều thứ tư, các ông không nên giải đãi trong khi làm việc lành. Đối với sự lợi ích cho người không nên thối tâm.

Tiêu diệt phiền não, hàng phục ma chướng mới ra khỏi lao ngục của ba cõi.

Điều thứ năm, các ông cần phải nhận rõ sanh tử u mê rất đáng sợ, cần phải để tâm nghiên cứu các học thuật, nhận rõ đạo lý rồi, nên phát tâm giáo hóa chúng sanh, đem an lạc đến cho họ.

Điều thứ sáu, các ông phải biết rằng người nghèo khổ rất nhiều lòng oán hận. Bồ-tát phải đem tài vật cứu tế họ, dùng tinh thần an ủi họ, dạy họ không nên ghi nhớ hận thù, không nên oán trách người khác.

Điều thứ bảy, các ông sống trong cuộc đời đừng để cho ngũ dục đánh ngã, không kể là xuất gia hay tại gia, cần phải đừng đắm nhiễm thế lạc, cần có nếp sống thanh tịnh cao khiết.

Điều thứ tám, các ông đừng làm kẻ ích kỷ, nên phát tâm Đại thừa độ khắp tất cả chúng sanh, nguyện cho chúng sanh thoát khổ, đừng vì riêng mình mà cầu an lạc.

Nhân lời thưa hỏi của tôn giả A-na-luật, đức Phật đã giảng tám điều cần yếu cho người tu học Bồ-tát, rất nhiều người theo đó tu hành, cải thiện sanh hoạt, khiến cho nếp sống trở nên an lạc tự tại.

Ngày hôm khác, A-na-luật nhập định tư duy về lời dạy của Phật trong Bát Đại Nhân Giác, tôn giả nghĩ rằng: “Pháp môn này là pháp thiếu dục tri túc, chẳng phải pháp không tri túc, là pháp viển ly, chẳng phải là pháp quần tụ, là pháp tinh tấn chẳng phải pháp giải đãi, là pháp chánh niệm, không phải pháp vọng niệm, là pháp tịch tịnh, không phải pháp sân



nhuế, là pháp trí huệ, chẳng phải là pháp ngu si.”

Suy tư của Tôn giả hòa điệu với lời dạy của đức Phật, như một khúc hợp tấu nhịp nhàng về chân lý của vũ trụ, về con đường tu tập hạnh giải thoát.

## 10. CÂU CHUYỆN TRONG NHỮNG NĂM CUỐI

Tôn giả hoạt động bên ngoài Tăng đoàn như thế nào, thì trong giáo đoàn đức Thế Tôn cũng đãi ngộ Tôn giả như thế đó. Cuộc đời của Tôn giả nhất định có nhiều sự tích vĩ đại huy hoàng. Hiện tại chúng ta không có nhiều tài liệu để thuật lại, chúng ta chỉ biết rằng tôn giả cũng như các vị Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... các đại đệ tử đều địa vị như nhau trong Tăng đoàn.

A-na-luật diệt độ lúc nào ? Ở đâu ? Chúng ta không biết rõ. Song chúng ta có thể biết chắc rằng khi đức Thế Tôn nhập Niết-bàn tại thành Câu-thi-na, rừng Ta La Song Thọ, tôn giả A-na-luật và tôn giả A-nan đều có mặt bên cạnh.

Lúc ấy nhằm ngày rằm tháng hai, trên đỉnh núi phía Tây trắng tròn vằng vặc, đức Thế Tôn nằm giữa hai cội Ta-la, toàn thân phủ sắc trắng, các đệ tử vây quanh bốn bên quỳ lớp lớp. Đức Phật đã dạy lời tối hậu, đêm tĩnh mạch không một tiếng thở mạnh. Ngài dặn dò cặn kẽ các đệ tử nên trì giới, hoằng pháp tu tâm, giữ gìn khẩu nghiệp, thiếu dục, tinh tấn,... những điều ấy đã ghi lại tường tận trong kinh Di Giáo.

Cuối cùng, như còn lo ngại cho hàng đệ tử về sau, đức Thế Tôn hỏi:

- Này các Tỳ-kheo! Đối với pháp ta đã giảng dạy các ông gắng giữ đừng quên, dù chỉ quên một phần trong muôn ngàn. Ta như lương y, biết bệnh cho thuốc, mà lành bệnh hay không, chẳng phải lỗi ở ông thầy. Ta như người dẫn đường tài giỏi, dẫn người đến đường lành, đi cùng không đi chẳng phải lỗi ở người hướng đạo. Này các Tỳ-kheo! Những pháp Tứ đế, Mười hai nhân duyên ta đã nói ấy, đều là chân lý ta đã chứng ngộ, là đèn sáng cho thế gian, là thuyền từ của bể khổ. Người nào hiểu rõ, không còn nghi ngờ đối với Tứ đế, Mười hai nhân duyên là đã vào đạo. Nay ta sắp nhập Niết-bàn, nếu các ông còn có điều nghi ngờ hãy mau ra thưa hỏi, ta sẽ giải thích cho.

Đức Phật đã đấng miệng, tâm lão bà tha thiết, hỏi đi hỏi lại ba lần trong đêm tịch vắng, đại chúng đều lặng thinh không một người thưa hỏi. Đó là vì đức Phật sắp Niết-bàn nên vỗ về an ủi các đệ tử, và cũng vì các đệ tử đối với pháp Tứ đế, Mười hai nhân duyên đã hiểu rõ không còn nghi. Đại chúng đều là những đệ tử theo Phật lâu năm, đối với pháp căn bản không còn chỗ nào không hiểu.

Lúc ấy tôn giả A-na-luật là người đại diện đủ tư cách trong lúc đức Thế Tôn sắp Niết-bàn, quỳ gối hữu, chấp tay cung kính thay cho đại chúng, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đệ tử chúng con đều đã hiểu sâu Tứ đế, Mười hai nhân duyên là chân lý của vũ trụ nhân sinh. Trên thế gian này, mặt trời có thể lạnh, mặt trăng có thể nóng, Tuyết Sơn có thể biến thành biển cả, đại địa có thể biến thành gò đất nhưng giáo pháp Tứ đế, Mười hai nhân duyên của Phật nói không thể khác.

Đức Thế Tôn an tịnh nghe A-na-luật thừa xong, trên gương mặt lộ vẻ hoan hỷ. Câu trả lời cuối cùng của A-na-luật đã an ủi được nỗi khổ tâm của Ngài trong bốn mươi chín năm hành khước hóa đạo.

Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, trong số năm trăm vị đại A-la-hán kết tập kinh điển trong núi Kỳ-xà-quật nhất định có tôn giả A-na-luật. Nhưng nói đến sự tích của Tôn giả về sau không thấy lưu truyền, thật là một điều đáng tiếc!

Tôn giả A-na-luật, có ý chí kiên cường, không lay chuyển. Nhân một buổi thùy miên mà nghe lời răn dạy, từ đó cho đến khi mắt mù không hề thối tâm, sức tinh tấn của Tôn giả đến như thế, thật là cao vòi vọi khiến người cảm thán không thôi! Mất nhục nhãn mà được thiên nhãn, tu hành an tường tự tại, truyền đạo an tường tự tại, thật không hổ là vị thượng thủ trong giáo đoàn.

